

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HÌNH

Vinh Sơn- Song Hình Hydro Power Joint Stock Company

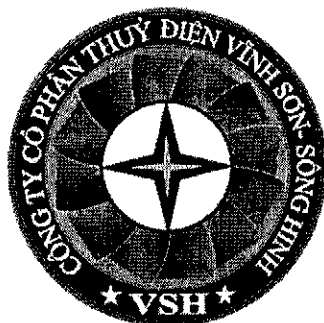
Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892 792

Fax: 056. 3891 975

Email: hpp_vssh@evn.com.vn

Website: www.vshpc.evn.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



ISO: 9001-2008

(Theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**
Năm báo cáo: **2013**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 35 03 000058
- Vốn điều lệ: 2.062.412.460.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.062.412.460.000 đồng
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 0563 892792
- Số fax: 0563 891975
- Webside: www.vshpc.evn.com.vn
- Mã cổ phiếu: VSH

2. Quá trình hình thành và phát triển

* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

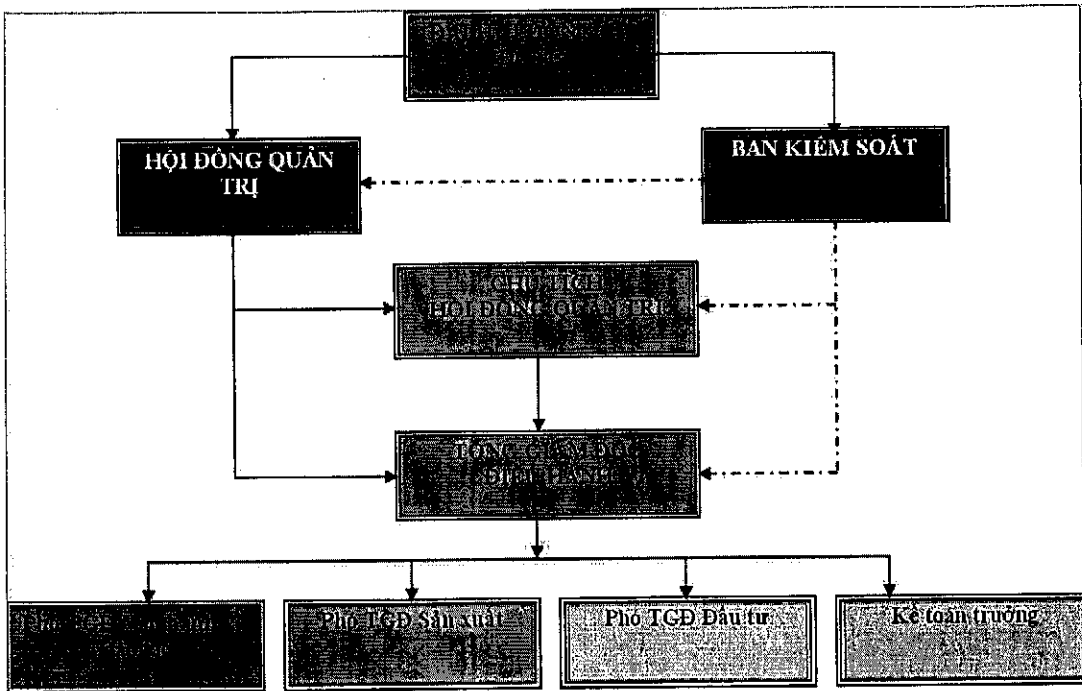
* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062.412.460.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

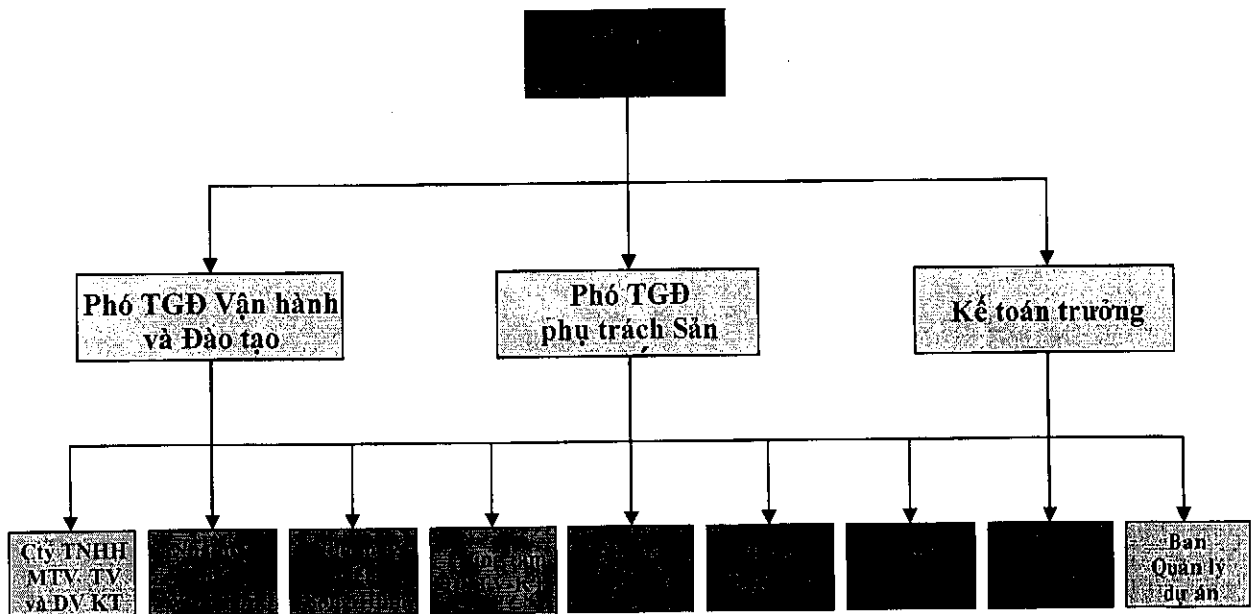
- * Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- * Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Bình Định và Phú Yên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con:

- Tên: Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát các công trình xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

+ Công ty liên kết:

- Tên: Công ty cổ phần Du lịch Bình Định
- Địa chỉ: 08 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lữ hành.
- Vốn điều lệ thực góp: 13.520.639.142 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49,72%

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

5.2. Chiến lược phát triển :

*** Chiến lược phát triển ngắn hạn:**

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thủy điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh

- + Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư: 100×10^9 đồng
- + Tình hình thực hiện: Công ty đang thực hiện

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:

+ Công suất lắp máy:	220 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	1.094,2 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	5.744×10^9 đồng
+ Tiến độ thực hiện:	2009 - 2015

- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:

* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:

+ Công suất lắp máy:	100 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	365,6 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	2.300×10^9 đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện

* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:

+ Công suất lắp máy:	30 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	113 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	777×10^9 đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Về môi trường, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm và định kỳ báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh xung quanh hồ chứa cũng như nhà máy theo đúng nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Về xã hội và cộng đồng, Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế - xã hội của địa phương, bao gồm: tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại nhà máy và công trường; tăng thu nhập cho người dân; hỗ trợ phát triển ngành thương mại dịch vụ quy mô nhỏ tại địa phương; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp đường, xây dựng hệ thống đường điện...

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro chung:

* *Rủi ro về kinh tế:* Trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.

* *Rủi ro về pháp luật:* Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến sản xuất và kinh doanh điện năng. Với đặc điểm hệ thống luật hiện tại chưa hoàn

chính, thiếu tính ổn định và không nhất quán khả năng vẫn có những thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù:

* *Rủi ro về thời tiết:* Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi lượng mưa ảnh hưởng tới chu kỳ thủy văn và dòng chảy của sông, làm ảnh hưởng đến sản lượng phát của các dự án thủy điện. Lượng trầm tích tăng lên cũng có thể làm tăng tốc độ bồi lắng lòng hồ và làm tuabin máy phát mau hư hỏng, dẫn tới giảm sản lượng phát điện. Trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế làm ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

* *Rủi ro về giá điện:* Thị trường điện Việt Nam bắt đầu thực hiện từ ngày 01/07/2012, các nhà máy thủy điện chỉ có thể bán điện cho đơn vị duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó còn nhiều bất cập như đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện với EVN rất khó khăn và thường kéo dài; giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tình hình thủy văn cuối năm 2012 không được thuận lợi, cuối năm mưa không nhiều nên việc tích nước các hồ chứa: hồ C, hồ B và hồ Sông Hình đều không đạt đến MNDBT, tuy nhiên công tác sản xuất điện năm 2013 vẫn đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch được giao (theo KH điều chỉnh về sản xuất của TCT phát điện 3).

- Kể từ năm 2012, EVN thực hiện lộ trình thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty là một trong các công ty phát điện phải tham gia. Để tiếp tục tham gia thị trường đạt hiệu quả, Công ty đã chuẩn bị tốt các điều kiện tham gia quản lý chào giá, nhân sự và cơ sở hạ tầng như: thông tin, hệ thống đo đếm. Ngày 01/7/2012 chính thức thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty tham gia 15/7/2012. Cuối năm 2012 tình hình thủy văn của 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hình không được thuận lợi, lượng mưa ít hơn nhiều năm (thấp nhất từ khi vận hành) để chủ động công ty làm các thủ tục tạm không tham gia thị trường vào ngày 4/12/2012 để tích nước phát điện trong năm 2013. Với sự chuẩn bị chu đáo cho thị trường điện, nên công tác chào giá hàng ngày, hàng tuần và tháng đạt kết quả tương đối tốt.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐV: tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr KWh	652.08	668.93	102,58
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	425,32	377,45	88,75
	DT từ SX điện, DV		367,07	283,24	77,16
	DT từ hoạt động TC		57,00	93,66	164,32
	DT khác		1,25	0,55	44,00
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	254,33	226,13	88,91
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	229,83	197,39	85,89
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	11,14	9,57	85,91
6.	Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	100

Năm 2013, Công ty vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở giá bán điện tạm tính bằng 62,3% giá bán điện của năm 2009 (giá kế hoạch).

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Võ Thành Trung: Tổng Giám đốc
- Hoàng Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc
- Dương Tấn Tường: Phó Tổng Giám đốc
- Huỳnh Công Hà: Kế toán trưởng.

2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu:

1. Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: 260.370 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,12 %
- Quá trình công tác:
 - 12/1988-10/1994: Kế toán tổng hợp Ban QLDA công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
 - 10/1994-4/2005: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
 - 4/2005 – 4/2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

5/2008 - nay Tổng Giám đốc công ty cổ phần Thủy điện
Vĩnh Sơn – Sông Hình

2. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu 03 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP 0,00%
- Quá trình công tác:
 - 8/1992-8/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
 - 9/1994-12/2000: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 1/2001-9/2003: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 10/2003-6/2005: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 7/2005-11/2009: Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình

3. Ông Dương Tân Tương - Phó Tổng Giám đốc sản xuất

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc sản xuất
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu 18.500 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP 0,01%
- Quá trình công tác:
 - 1999-2000: Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
 - 2000-2001: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
 - 2001-2006: Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hình
 - 3/2007-7/2008: Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
 - 8/2008-3/2009: Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình

4/2009-12/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
1/2010-nay	Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình

4. Ông Huỳnh Công Hà – Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1965
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu	Không
- Tỷ lệ sở hữu CP	Không
- Quá trình công tác:	
01/1987 – 09/1993	Kế toán tổng hợp, Công ty Vật tư thành phố Quy Nhơn
10/1993 – 04/2008	Thanh tra viên, Thanh tra tỉnh Bình Định
05/2008 – 10/2008	Thanh tra viên chính, Thanh tra tỉnh Bình Định
11/2008 – 06/2009	Phó phòng Tài chính-Kế toán, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình.
07/2009 – nay	Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.4. Cán bộ nhân viên:

- * Số lượng CB-NV tính đến 31/12/2013: 132 người
- * Các chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

Đào tạo: Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

Thu hút nhân tài: Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương: Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Chính sách thưởng: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Phúc lợi: Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm: Không có.

3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:

a. Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

a1. Tuyển áp lực:

- Hầm dẫn dòng: Công tác thi công đào đất, đá và công tác bê tông đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng, qua đợt lũ chính vụ năm 2013 công trình vận hành an toàn đảm bảo khả năng thoát lũ.

- Đập đất: Đã hoàn thành mục tiêu chính trong năm 2013 là thi công để đảm bảo chống lũ, trong đợt lũ vừa qua công trình đảm bảo vượt lũ an toàn. Đến nay đã thi công xong phần đào móng lòng sông đập đất, móng đồng đá thượng lưu và

móng đồng đá hạ lưu, hai vai đập đã bóc xong tầng, đắp lắng trụ đá thượng lưu đạt cao trình thiết kế 1.133m; đắp đất chống thấm thượng lưu hoàn thành đến cao trình thiết kế 1.138 m; đắp đất thân đập đợt 1 đến cao trình 1.096 m, đạt 9,8%; đắp lắng trụ đá hạ lưu đang thi công đến cao trình 1.096 m, đạt 33,5%.

- Đập tràn: đang thi công và đã đào đất đến cao trình 1.187m, đạt 14,6%.

a2. Tuyến năng lượng:

- Đào và gia cố 3km đầu đường hầm từ Km0-Km3:

Từ tháng 6/2012 liên tục xuất hiện nước ngầm với lưu lượng lớn (có thời điểm lên đến 160 l/s) nên ảnh hưởng đến công tác đào đá, có những thời điểm phải dừng thi công đào đá để tập trung bơm nước.

+ Đào đá được 2.496m/2.730m (đạt 91,4%) đến lý trình K2+770;

+ Công tác gia cố: Phun bê tông đã hoàn thiện đến lý trình K2+400/K2+ 725 thiết kế (đạt 88,9%), hiện tại do vướng hệ thống bơm nước nên nhà thầu tạm dừng công tác gia cố; rai lưới thép đã hoàn thiện đến lý trình K2+720; công tác cắm neo đã hoàn thiện đến K2+725.

- Khu vực nhà máy:

+ Nhân lực: trung bình các tháng thi công bình thường 445 người; từ sau cơn bão số 14 ngày 18/11/2013 số lượng giảm xuống còn 220 người.

+ Thiết bị: đảm bảo thi công các hạng mục.

+ Vật tư, nhiên liệu: đảm bảo thi công liên tục; từ ngày 18/11 đến 12/12/2013 do ảnh hưởng của mưa, bão nên đường giao thông bị gián đoạn, vật tư, nhiên liệu của nhà thầu vận chuyển vào công trường gặp nhiều khó khăn, chủ đầu tư chủ động khắc phục sau bão để nhà thầu tiếp tục thi công.

a3. Hầm dẫn TBM:

- Theo tổng tiến độ phê duyệt TBM phải hoàn thành công tác đào 12.447md vào cuối năm 2014, nhưng theo thống kê hiện tại thì TBM hoạt động không ổn định nên nhìn chung tiến độ đào bình quân của TBM không đạt theo kế hoạch mà hai bên đã cam kết. Đến nay, hầm dẫn nước đào bằng TBM đã đào được 1.427md/9.150 md kế hoạch (đạt 15,6%). Chủ đầu tư và Nhà thầu đã nhiều lần họp để kiểm điểm tiến độ thực hiện và đề ra biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công, Nhà thầu cam kết trong thời gian đến sẽ có biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công nhằm bù lại thời gian đã chậm trễ như: thay đổi nhân sự điều hành cấp quản lý, thay thế các bộ phận bảo trì, bảo dưỡng, công nhân vận hành máy TBM tay nghề kém (theo yêu cầu đánh giá của chuyên gia độc lập từ Viện SINTEF của NaUy).

a4. Cụm Nhà máy:

Các hướng thi công vào nhà máy như: hầm giao thông, hầm xả, hầm cấp đều gặp địa chất yếu. Do đó, việc dịch chuyển nhà máy về phía thượng lưu vào vùng địa chất tốt nhằm tăng tính ổn định cho nhà máy, đồng thời hạn chế việc tăng chi phí xây dựng quá lớn do phải xây dựng nhà máy trong vùng địa chất yếu. Đến nay, các mũi thi công đã giáp nhà máy, địa chất nhà máy đã được xác định (loại tốt đến

rất tốt) và tiến hành đào nhà máy tại tầng 1, tầng 3. Tiến độ thi công nhà máy có chậm nhưng không ảnh hưởng lớn tới tiến độ chung của dự án. Cụ thể như sau:

- Hàm giao thông: Đào 1.738md đường hầm, hoàn thành đường hầm giao thông, đang triển khai thi công đào vòm nhà máy (lớp 1).
- Hàm phụ số 01: Đã thi công được 520md. Kết thúc khoan nổ thủ công, Nhà thầu tiến hành thi công bằng thiết bị TBM.
- Hàm phụ số 02: Đã thi công hoàn thành 632md/632md.
- Hàm xả: Đã thi công được 1.641md/1.897md.
- Hàm áp lực: Đã thi công 640md/640md.
- Nhà máy: Hoàn thiện đào xong lớp 1, đang tiến hành gia cố vòm nhà máy.
- Trạm phân phối: Đã thi công và gia cố cơ bản đã hoàn thành. Do ảnh hưởng cơn bão số 13 vào cuối tháng 11/2013 mái của trạm sạt lở, Nhà thầu thiết kế đang khảo sát thiết kế gia cố để thi công trước mùa mưa năm 2014.

a5. Thu xếp vốn cho dự án:

- Đang hoàn tất các thủ tục để phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- Cơ bản đã hoàn thành các thủ tục đối với các ngân hàng thương mại trong nước để ký hợp đồng tài trợ vốn cho dự án.
- Vay vốn cho gói thiết bị cơ điện từ nguồn tín dụng xuất khẩu của Ngân hàng Raiffeisen Landesbank (Áo): Đã ký kết hợp đồng với phương án tỷ lệ lãi suất cho vay thả nổi USD libor 6 tháng + margin 2,97% trong thời gian 34 tháng. Đến thời điểm trả lãi có thể hoán đổi sang lãi suất cố định. Hiện tại đã hoàn tất thủ tục bảo lãnh.

a6. Công tác bồi thường - GPMB, di dân tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất:

- Công tác bồi thường - GPMB: do Hội đồng bồi thường - GPMB của huyện KonPlong đảm nhận. Đến nay các hạng mục chính: CNN, Tuyến áp lực, khu vực nhà máy, hàm giao thông, hàm xả đã được bàn giao mặt bằng để thi công.
- Công tác di dân tái định cư: do địa phương làm Chủ đầu tư, đến nay khối lượng thực hiện có chậm so với tiến độ đề ra.
- Công tác chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hồi và bàn giao đất:

Trong năm 2012, UBND tỉnh Kon Tum đã có thông báo thu hồi toàn bộ đất các loại nằm trong phạm vi xây dựng dự án, với diện tích 1.034 ha; có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng 162 ha đất rừng, giao Chủ đầu tư để xây dựng các hạng mục công trình: Tuyến áp lực, CNN, Đường dây 35 kV và các tuyến đường.

UBND huyện Kon Plong đã có quyết định thu hồi 218 ha đất sản xuất của các hộ gia đình nằm trong phạm vi lòng hồ và nhà máy.

Trong năm 2013, UBND tỉnh Kon Tum đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng trong khu vực lòng hồ, Công ty đã làm

việc với các Bộ ngành liên quan để đồng thuận và đã có văn bản trình Thủ tướng chính phủ cho phép chuyển đổi. Hiện nay công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đã hoàn tất, UBND tỉnh Kon Tum đã có quyết định chuyển đổi.

b. Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

Do điều kiện thu xếp vốn khó khăn, và để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng dự án. Ban QLDA chỉ thi công hoàn thiện các công trình phụ trợ như: đường vào nhà máy, đường vào tuyến đập và nhà quản lý điều hành Ban QLDA tại Vĩnh Sơn.

c. Các Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn và thủy điện Sông Hinh:

** Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn:*

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.

** Nâng cấp hồ Sông Hinh:*

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện M'Đrăk thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

3.2. Các công ty con và công ty liên kết: (đến 31-12-2013)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty con	Công ty liên kết
1. Tổng tài sản	6,42	28,02
2. Vốn điều lệ thực góp	5,00	12,91
3. Tỷ lệ sở hữu	100%	49,72
4. DT bán hàng và dịch vụ	7,50	17,38
5. Lợi nhuận trước thuế	0,75	4,05
6. Lợi nhuận sau thuế	0,58	3,14
7. Lợi nhuận chuyển về CT	-	1,33

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: (đến 31-12-2013)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	3.382,41	3.664,95	8,35
2. DT bán hàng và dịch vụ	332,19	283,68	-14,60
3. Doanh thu tài chính	97,76	93,66	-4,19
4. LN thuần từ hoạt động KD	263,66	224,79	-14,74
5. Lợi nhuận khác	0,13	0,01	-92,31
6. Lợi nhuận từ công ty liên kết	1,74	1,33	-23,56
7. Lợi nhuận trước thuế	265,53	226,13	-14,84
8. Lợi nhuận sau thuế	233,99	197,39	-15,42
9. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (10%)	88,14%	90%	2,27

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
Cơ cấu tài sản				
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	43.39	34,29	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	56.61	65,71	
Cơ cấu nguồn vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27.55	28,77	
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72.41	71,23	
Khả năng thanh toán				
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2.04	1,40	
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3.63	3,19	
Tỷ suất lợi nhuận				
- Tsuất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6.92	5,39	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	54.42	52,29	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	11.35	9,57	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2013: 206.241.246 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2013: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông: (tính đến 05/12/2013)

Số cổ phần hiện tại: 206,241,246 CP (5.956 cổ đông)

Trong đó:

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 112,514,878 CP chiếm 54.55%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 93,726,368 CP chiếm 45.45%

Trong đó:

- + Cổ đông trong nước sở hữu : 43,861,547 CP chiếm 21.27%
 - * Cổ đông là tổ chức : 13,559,619 CP chiếm 6.58%
 - * Cổ đông là cá nhân : 30,301,928 CP chiếm 14.69%
- + Cổ đông nước ngoài sở hữu : 49,864,821 CP chiếm 24.18%
 - * Cổ đông là tổ chức : 48,856,327 CP chiếm 23.69%
 - * Cổ đông là cá nhân : 1,008,494 CP chiếm 0.49%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Tình hình thay đổi đại diện vốn nhà nước tại Công ty:

Stt	Tổ chức thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	63.016.948	30,55%	0	0	Thay đổi người đại diện sở hữu vốn nhà nước
02	Cty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	0	0	63.016.948	30,55%	Thay đổi người đại diện sở hữu vốn nhà nước

Ngày hiệu lực điều chỉnh đại diện sở hữu vốn nhà nước tại Công ty VSH: 10/12/2013

5.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2013: Không có.

- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: 4.000.000 cổ phiếu.

5.6. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong điều kiện tình hình kinh tế không ổn định, thị trường chứng khoán đi xuống, tính thanh khoản thấp, Công ty đã có những chính sách thận trọng trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2013 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

- Mặc dù tình hình thời tiết không được thuận lợi, các hồ chứa không được tích đủ nước như hàng năm nhưng với sự tổ chức điều hành hợp lý của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong việc điều tiết các hồ chứa và quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện, đặc biệt là trong công tác thị trường điện nên về cơ bản việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh năm 2013 đều đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

- Năm 2013, Công ty vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở giá bán điện tạm tính bằng 62,3% giá bán điện của năm 2009.

- Công tác đầu tư xây dựng các dự án về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về tiến độ kế hoạch đề ra, những kết quả đã đạt được bước đầu sẽ tạo tiền đề tốt cho việc tổ chức thực hiện dự án trong các năm tiếp theo

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm 2013 Công ty đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

***Trong công tác quản lý:**

Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

Hoạt động của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH cũng đã đem lại những hiệu quả thiết thực, góp phần giảm chi phí đầu tư các dự án và

đảm bảo các hạng mục phục vụ cho công trình chính hoàn thành theo yêu cầu CĐT.

**Trong công tác kiểm soát:*

Năm 2013, Công ty đã tiến hành áp dụng thực hiện chương trình Kaizen/5S cho tất cả các bộ phận quản lý cũng như các nhà máy sản xuất, tối ưu hóa các quy trình, công việc, đảm bảo duy trì công tác sẵn sàng sản xuất, tiến tới đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.

Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi và ban hành Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản tính đến 31/12/2013 có tăng hơn so với tại thời điểm 31/12/2012 do tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tài sản ngắn hạn: giảm, chủ yếu là giảm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty (do Công ty đã bán hết phần sở hữu cổ phiếu của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại và tất toán khoản nợ 100 tỷ đồng còn lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- Tài sản dài hạn: tăng, chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đầu tư xây dựng các dự án trong năm.

Trong cơ cấu tài sản không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả hiện tại: Các khoản nợ hiện tại chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn, không có biến động lớn về các khoản nợ. Cụ thể:

- Vay và nợ ngắn hạn: Với tình hình hiện tại là đang đàm phán để ký kết các hợp đồng trung dài hạn cho các dự án, Công ty tạm thời sử dụng dòng tiền hiện có để đối ứng vay ngắn hạn thanh toán cho các dự án. Khoản vay này sẽ được chuyển sang trung dài hạn khi ký hợp đồng tài trợ chính thức cho dự án.
- Vay và nợ dài hạn: Chủ yếu là các khoản vay dài hạn của nước ngoài để xây dựng nhà máy thủy điện Sông Hinh. Các khoản vay này sẽ được trả hết vào năm 2035.

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch tỷ giá cũng không có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì số dư nợ ngoại tệ còn tương đối thấp và trong năm cũng không có biến động lớn về tỷ giá.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2013, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài ra, việc thành lập Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH đã đem lại những hiệu quả thiết thực, ngoài việc giảm chi phí đầu tư các dự án còn làm giảm sự phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn, góp phần đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2013, Công ty đã thực hiện đầu tư các dự án thủy điện đúng tiến độ phù hợp với chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Do vậy, việc phát huy các nguồn vốn tích lũy hiện có của Công ty và nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo phải thực hiện linh hoạt và đồng bộ. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn:

Nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông khi phát hành tăng vốn điều lệ và vốn tự có đối ứng để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

- Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.

- Nâng cấp hồ Sông Hinh: Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện Ma Đ'răk thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn:

- Dự án Thượng Kon Tum: triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, đảm bảo phát điện vào cuối năm 2015.
- Dự án Vĩnh Sơn 3: Hiện tại để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng thực hiện dự án. Đến thời điểm thích hợp, dự án sẽ được tiếp tục thực hiện.

4.3. Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:

- Năm 2013 tình hình tài chính của thế giới và trong nước chưa ổn định, đặc biệt là tình hình nợ xấu tăng cao ở các ngân hàng thương mại nên phần nào ảnh hưởng đến việc huy động vốn để thực hiện dự án của Công ty. Hiện tại Công ty đang hoàn thiện thủ tục huy động vốn ODA cho dự án Vĩnh Sơn 3 lập các thủ tục cho các dự án ngắn hạn tại hệ thống Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Dự kiến khi tình hình tài chính ổn định vào cuối năm 2014, Công ty sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi dự án cần vốn. Trong những năm tới, Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tài chính để đảm bảo đến năm 2015, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ là 40/60.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2013 là năm Công ty gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, do tình hình thủy văn cuối năm 2012 không thuận lợi các hồ chứa không tích đầy nước. Đến ngày 31/12/2012 các hồ chứa Nhà máy Vĩnh Sơn chỉ tích khoảng 50% dung tích hồ, hồ chứa Nhà máy Sông Hinh tích khoảng 70% dung tích hồ chứa. Tuy mùa mưa cuối năm 2013, lượng nước về nhiều hơn nhưng tổng sản lượng phát thấp hơn trung bình 5 năm liền kề, cả năm chỉ đạt 675 triệu kWh, không đạt sản lượng kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLD – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

Năm 2013, tuy thời tiết không được thuận lợi nhưng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả các nhân viên trong Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh tài chính và đầu tư xây dựng vẫn đạt kết quả tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều hoàn thành kế hoạch được giao.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Nhìn chung, Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện đúng các chức năng theo quy định của Điều lệ Công ty. Tình hình sản xuất kinh doanh điện năng năm qua tuy không được thuận lợi nhưng cơ bản vẫn hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh. Phần kinh doanh tài chính đã rất thận trọng nên đã không bị ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính mà còn mang lại hiệu quả cao. Lợi ích cho Công ty, cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp được đảm bảo.

Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động đều; có sự năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2014, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

3.1- Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện: Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư. Cụ thể như sau:

*** Dự án thủy điện Thương Kon Tum:**

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công tất cả các hạng mục công trình chính là: Tuyến năng lượng, Tuyến áp lực, Cửa nhận nước, Hàm xả, Nhà máy ngầm, Trạm phân phối 220 kV..và cung cấp thiết bị cơ điện cho Nhà máy.

- Thi công xây dựng hoàn thành các công trình phụ trợ, như: hạng mục: Đường dây 22kV tránh ngập lòng hồ; hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Vi Rô Ngheo – Đak Sa, hạng mục: khu quản lý vận hành tại Ngọc Tem và Nhà điều hành Ban QLDA.

- Hoàn thành cơ bản công tác đền bù - giải phóng mặt bằng;

- Thúc đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng trong khu vực lòng hồ, phấn đấu hoàn thành công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi và giao đất toàn bộ Dự án.

- Thu xếp vốn cho dự án: tiếp tục làm việc với các Ngân hàng thương mại trong và ngoài nước thu xếp vốn cho Dự án.

*** Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:**

Hoàn thiện các yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định về bảo đảm môi trường xây dựng các công trình phụ trợ: đường vào nhà máy, đường vào đập;

*** Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn:**

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước.

*** Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Sông Hinh:**

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện Ma Đ'Răk thuộc tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực: Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.

3.3. Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp: Cân đối nguồn vốn (từ vốn tích lũy và vốn vay) để sử dụng cho các dự án đầu tư trong năm 2014 của Công ty một cách hiệu quả nhất. Phần còn lại, thực hiện vào đầu tư tài chính ngắn hạn, đem lại lợi nhuận cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào kế hoạch giải ngân cho các dự án thủy điện Thượng Kon Tum, và các dự án khác trong năm 2013, dự kiến giải ngân vốn vay của các ngân hàng vào Quý II năm 2014; việc xác định vốn đối ứng 30/70 để điều chỉnh cho phù hợp với số tiền Công ty đã giải ngân các năm trước, tạo dòng tiền tốt nhất cho sản xuất kinh doanh.

3.4. Quản trị doanh nghiệp: Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của Công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.1.1. Danh sách:

- Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Việt Thắng - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/08/2013)
- Ông Nguyễn Trọng Hiền - Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/08/2013)
- Ông Phan Hồng Quân - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Hồng Sơn - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành

1.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	37.828.682	18.513	37.810.169	18,33
2. Võ Thành Trung	Ủy viên	25.467.149	260.370	25.206.779	12,22
3. Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	49.497.896	0	49.497.896	24,00
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên	0	0	0	0
5. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên	19.847.480	0	19.847.480	9,62

1.1.3. Chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐQT tại các Công ty khác
Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	- Chủ tịch CT, Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH
Võ Thành Trung	Ủy viên	- Chủ tịch HĐQT, CTCP Du lịch Bình Định
Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP thủy điện Thác Bà - TV HĐQT, CTCP Vận tải và Thuê tàu - TV HĐQT, Tổng CTCP XD và TM Việt Nam - CT HĐQT, CTCP Khai thác và Chế biến khoáng sản Hải Dương
Phan Hồng Quân	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Lọc hóa dầu Việt Nam - CT HĐQT, CTCP Đầu tư XNK Trần Thành
Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Chứng khoán Phương Hoàng - TV HĐQT, CTCP Đầu tư TC Phương Hoàng - TV HĐQT, CTCP Thực phẩm Việt Nam

1.2. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua, HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ, trực tiếp 06 lần, họp qua truyền hình 03 lần và họp qua thư 22 lần, thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tập trung vào các vấn đề sau:

- Bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp đều có kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ từng quý và đề ra nhiệm vụ công tác cho quý sau phù hợp với các nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đã điều chỉnh kịp thời trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với diễn biến thời tiết và thị trường điện.
- Triển khai đầu tư xây dựng: luôn thực hiện bám sát tiến độ của dự án và các quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Công ty, cổ đông.
- Đàm phán giá bán điện: Công ty và Cục điều tiết cùng làm việc và thống nhất về giá bán điện cho các năm 2010-2013 theo Biên bản cuộc họp đàm phán giá điện ngày 23/07/2013. Tuy nhiên, hiện tại EVN vẫn chưa thống nhất với kết quả đàm phán này.
- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế phục vụ công tác quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT: HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định, ban hành những quyết định cụ thể sau:

1.3.1. Công tác đầu tư xây dựng Dự án Thương Kon Tum

1. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, Mục: Đào và gia cố hầm dẫn nước lý trình Km5+000 - Km17+339,87; Đào và gia cố tạm hầm áp lực lý trình P0 -P0+684,36 hạng mục: Tuyển năng lượng đoạn 2, dự án TĐ Thương Kon Tum, số 33/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 9/01/2013.
2. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, Mục: Cấp nước sinh hoạt, hạng mục: Khu quản lý vận hành dự án TĐ Thương Kon Tum, số 61/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 16/01/2013.
3. Quyết định phê duyệt TK BVTC và dự toán, Mục: Cấp điện sinh hoạt, hạng mục: Khu quản lý vận hành, dự án TĐ Thương Kon Tum, số 62/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 16/01/2013.
4. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu thi công, Mục: Cấp điện sinh hoạt, hạng mục: Khu quản lý vận hành, dự án TĐ Thương Kon Tum, số 64/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 17/01/2013.

5. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu thi công, Mục: Cấp nước sinh hoạt, hạng mục: Khu quản lý vận hành, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 108/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 29/01/2013.
6. Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ CBCS Công an làm nhiệm vụ bảo vệ công trình TĐ Thượng Kon Tum trong năm 2013, số 109/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 29/01/2013.
7. Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung công tác đo đạc địa chính, đánh giá trữ lượng rừng phục vụ công tác bồi thường GPMB, thu hồi đất, giao đất, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 110/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 29/01/2013.
8. Quyết định phê duyệt dự toán chi phí KS, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, mục: Sửa chữa mặt đường và công trình thoát nước, lý trình Km28+832 - Km29+832; Km31+337 - Km33+512,64 hạng mục: Nâng cấp TL 676, lý trình Km26-Km32 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 111/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 29/01/2013.
9. Quyết định phê duyệt dự toán san lấp mặt bằng và cung cấp lắp đặt: Trạm trộn bê tông, trạm nghiền đá, phục vụ cho việc thi công hầm dẫn nước từ Km0+270 - Km3+000 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 112/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 29/01/2013.
10. Quyết định phê duyệt Tổng tiến độ thi công điều chỉnh dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 128/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 05/02/2013.
11. Quyết định phê duyệt chỉ định thầu Tư vấn KS, lập thiết kế BVTC và dự toán công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn 5 và Trạm y tế xã Ngọc Tem thuộc hạng mục bồi thường di dân, TĐC dự án TĐ TKT, số 157/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 22/02/2013.
12. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu, gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.2): Cung cấp thiết bị hạ lưu Nhà máy; gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.3): Vận chuyển thiết bị cơ điện; gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.4): Lắp đặt thiết bị cơ điện; gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.5): Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện; gói thầu (TKT-M&E EL1-2.2.2): Cung cấp, vận chuyển và lắp đặt thiết bị cửa nhận nước, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 161/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 26/02/2013.
13. Quyết định thành lập Tổ thẩm định, gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.2): Cung cấp thiết bị hạ lưu NM; gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.3) :Vận chuyển thiết bị cơ điện, gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.4): Lắp đặt thiết bị cơ điện; gói thầu (TKT-E&M EL2-4.2.2.5): Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện; gói thầu (TKT-M&E EL1-2.2.2) : Cung cấp, vận chuyển và lắp đặt thiết bị cửa nhận nước, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 162/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 23/02/2013.
14. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán hạng mục: Nhà điều hành Ban QLDA tại KonPlông, TĐ Thượng Kon Tum, số 193/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 06/03/2013.

15. Quyết định phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện HĐ số 339/2011/HĐ-VSH-TH ngày 12/4/2012, thi công đào và gia cố tạm lý trình 1462,6-1737,9m và gia cố đoạn lý trình 40,9-1462,6, Hạng mục: Hàm giao thông, dự án TĐ Thượng Kon Tum số 253/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 2/03/2013.
16. Quyết định phê duyệt đề cương - dự toán khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, hạng mục: Đảm bảo giao thông - ngầm thôn 2 - dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 294/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013
17. Quyết định phê duyệt chi phí lập dự toán bổ sung và dịch bản vẽ thi công mục: Đào và gia cố tạm lý trình Km1462,6-1737 và gia cố tạm lý trình Km40,9-1462,6, hạng mục: Hàm giao thông dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 295/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013.
18. Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán: Khai thác sử dụng nước mặt và lập quy trình vận hành hồ chứa, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 296/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013.
19. Quyết định phê duyệt đề cương - dự toán tư vấn lập báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường năm 2013 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 297/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013.
20. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Nhà điều hành Ban QLDA tại KonPlông dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 305/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013.
21. Quyết định phê duyệt chi phí Ban QLDA thủy điện VSH năm 2013, số 306/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013.
22. Quyết định phê duyệt dự toán chi phí phát sinh do việc dịch chuyển Nhà máy về phía thượng lưu 300m, hạng mục: Tuyển năng lượng đoạn 2 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 316/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 8/4/2013.
23. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu, gói thầu TKT-23.2.1: Thi công XD nhà điều hành Ban QLDA tại KonPlông dự án TĐ Thượng Kon Tum, 334/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 15/04/2013.
24. Quyết định phê duyệt chi phí thẩm tra hiệu chỉnh thiết kế cơ sở, hạng mục: Tuyển áp lực, bao gồm: Đập dâng và đập tràn xả lũ dự án TĐ Thượng Kon Tum số, 335/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 15/04/2013
25. Quyết định thành lập Tổ thẩm định, gói thầu TKT-23.2.1: Thi công XD nhà điều hành Ban QLDA tại KonPlông, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 336/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 15/04/2013.
26. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán hạng mục: Đường vào thôn Vi Rơ Nghèo và ĐăkSa dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 338/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 16/04/2013.
27. Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu, gói thầu TKT-23.2.1: Thi công XD nhà điều hành Ban QLDA tại KonPlông dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 371/2013/QĐ-VSH-CTHĐQT, ngày 24/04/2013.

28. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán mục: Sửa chữa mặt đường và công trình thoát nước, lý trình Km26-Km28+832; Km29+832-Km31+337, hạng mục: Nâng cấp TL676, lý trình Km26-Km32 (giai đoạn 2) dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 379/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 2/5/2013.
29. Quyết định phê duyệt chỉ định thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán: Trạm y tế xã Ngọc Tem và hệ thống cấp nước thôn 5 thuộc hạng mục bồi thường - GPMB của dự án TĐ Thượng Kon Tum số 485/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 24/05/2013.
30. Quyết định phê duyệt chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB và môi trường năm 2012, 2013 và bổ sung kinh phí năm 2011 dự án TĐ Thượng Kon Tum và TĐ Vĩnh Sơn 3, số 513/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 30/05/2013.
31. Quyết định phê duyệt tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đấu thầu dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 522/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 3/6/2013.
32. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán trạm y tế xã Ngọc Tem thuộc hạng mục đền bù - GPMB dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 523/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 3/6/2013.
33. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hệ thống cấp nước thôn 5, xã Ngọc Tem thuộc hạng mục bồi thường - GPMB của dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 524/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 3/6/2013.
34. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu thiết kế BVTC và dự toán hạng mục: Đường dây cáp điện thi công dự phòng cho thiết bị TBM dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 635/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 27/06/2013.
35. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Đường tránh ngập vào thôn Virôngghèo và Đaksa, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 649/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 2/7/2013.
36. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và chọn nhà thầu thi công hạng mục: Đường dây cáp điện thi công dự phòng cho thiết bị TBM dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 660/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 4/7/2013.
37. Quyết định phê duyệt chi phí hỗ trợ cho UBND xã Ngọc Tem XD 2 nhà văn hóa tại các thôn Đie'k Tà Cốt và thôn Đie'k Tem, số 680/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 8/7/2013.
38. Quyết định phê duyệt điều chỉnh thiết kế kỹ thuật - thi công và tổng mức đầu tư công trình: Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng tuyến đường Sơn Tân - Sơn Màu - Sơn Tinh - Sơn Lập (giai đoạn 1) phục vụ thi công dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 690/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 11/7/2013.
39. Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng tuyến đường Sơn Tân - Sơn Màu - Sơn Tinh - Sơn Lập (giai đoạn 1) phục vụ thi công dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 692/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 11/7/2013.

40. Quyết định phê duyệt dự toán lắp đặt bổ sung Recloser 22kV và hệ thống điều hòa nhà điều khiển TBA 22/35kV, hạng mục: Cấp điện thi công dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 710/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 15/07/2013.
41. Quyết định phê duyệt chi phí tư vấn và chi phí khác mục: san nền, nhà làm việc, nhà công vụ hạng mục: khu quản lý vận hành dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 727/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 18/07/2013.
42. Quyết định phê duyệt dự toán đo đạc cắm mốc giới xác định ảnh hưởng vùng ngập tại cao trình 1105m và 1140m của lòng hồ để di dân tái định cư dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 728/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 18/07/2013.
43. Quyết định phê duyệt chi phí trồng rừng thay thế do sử dụng đất lâm nghiệp chuyển mục đích sang XD công trình dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 729/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 18/07/2013.
44. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hiệu chỉnh hạng mục: Đường tránh ngập vào thôn Virôngghèo và Đăksa, dự án thủy điện Thượng Kon Tum, số 743/2013/QĐ-VSH-CTHĐQT, ngày 22/07/2013.
45. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu các gói thầu TKT-3.2.9, TKT 3.2.10 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 779/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 29/07/2013.
46. Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, gói thầu TKT-3.2.9: Thi công XD đường tránh ngập vào thôn Virôngghèo và Đăk Sa (đoạn Măng Bút - Virôngghèo) dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 780/2013/QĐ-VSH-CTHĐQT, ngày 29/07/2013
47. Quyết định phê duyệt KH đấu thầu, lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng tuyến đường Sơn Tân - Sơn Màu - Sơn Tinh - Sơn Lập (giai đoạn 2) phục vụ thi công công trình dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 794/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/8/2013.
48. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu TKT-23.2.1: Thi công XD nhà điều hành Ban QLDA tại KonPlông dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 858/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 20/08/2013.
49. Quyết định phê duyệt dự toán SC, đảm bảo giao thông tuyến đường TL 676, lý trình Km12+241-Km12+451 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 857/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 20/08/2013.
50. Quyết định phê duyệt dự toán phát tuyến đường phục vụ công tác khảo sát địa chất hầm dẫn nước tại lý trình HT14+264m, thuộc Tuyến năng lượng dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 923/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 9/9/2013.
51. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu lập quy hoạch chi tiết hiệu chỉnh và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, hạng mục: Khu quản lý vận hành, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 953/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 23/09/2013.

52. Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung phát sinh mục: Gia cố cửa lấy nước và hầm dẫn nước từ Km0+000-Km0+270, thuộc hạng mục: Cửa lấy nước và đoạn đầu đường hầm Km0-Km3 dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 987/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 30/09/2013.
53. Quyết định miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban QLDA thủy điện VSH đối với ông Lương Công Lũy kể từ ngày 01/11/2013, số 1066/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 23/10/2013.
54. Quyết định giao nhiệm vụ kiêm nhiệm chức danh Trưởng Ban QLDA thủy điện VSH đối với ông Võ Thành Trung kể từ ngày 01/11/2013 số 1067/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 23/10/2013.
55. Quyết định phê duyệt chi phí lập Tổng dự toán và thẩm tra tổng dự toán dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1080/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 28/10/2013
56. Quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán hiệu chỉnh, bổ sung mục: SC mặt đường và công trình thoát nước, lý trình Km26-Km28+832; Km29+832-Km31+337, hạng mục: Nâng cấp TL 676, lý trình Km26-Km32 (giai đoạn 2) dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1099/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 31/10/2013
57. Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu lập Tổng dự toán dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1117/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 1/11/2013.
58. Quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo quyết toán dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1290/2013/QĐ-VSH-TCKT, ngày 6/12/2013.
59. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, gói thầu TKT-3.2.9: Thi công XD đường tránh ngập vào thôn Virôngghèo và Đăk Sa (đoạn Măng Bút - Virôngghèo), dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1296/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 9/12/2013.
60. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Văn phòng Tư vấn giám sát khu vực cửa lấy nước dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1325/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 13/12/2013.
61. Quyết định phê duyệt dự toán SC, đảm bảo giao thông năm 2013 (đợt 1): Tuyến đường Sơn Tân - Ngọc Tem và đường Sơn Lập - Nhà máy; Tuyến đường tỉnh lộ 676, lý trình Km0-Km20 và Km26-Km32; tuyến đường từ nút ngã ba đoạn rẽ vào nhà máy và Trường Sơn Đông đến ngã ba đường Trường Sơn và đường Sơn Lập, Tuyến đường rẽ vào Nhà máy và hầm xả dự án TĐ Thượng Kon Tum số 1329/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 16/12/2013.
62. Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, gói thầu TKT-E&M EL2-4.2.2.2: Vận chuyển thiết bị cơ điện, dự án TĐ Thượng Kon Tum, số 1393/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 31/12/2013.
63. Quyết định phê duyệt chi phí thực hiện các giải pháp đảm bảo giao thông chất lượng cung cấp điện và phát quang hành lang tuyến đường dây 22kV và

35kV cấp điện thi công của dự án TĐ Thượng Kon Tum. 1392/2013/QĐ-VSH-HĐQT 31/12/2013.

1.3.2. Công tác đầu tư xây dựng dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

1. Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung hạng mục: Đường vào Tuyến đập (VH4), lý trình Km0-Km5+148 dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3, số 105/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 28/01/2013.
2. Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung hạng mục: Nhà điều hành Ban QLDA tại Vĩnh Sơn dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3, số 107/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 29/01/2013.
3. Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung, phát sinh hạng mục: Cấp điện thi công dự án TĐ Vĩnh Sơn 3, số 663/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 4/7/2013.
4. Quyết định phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung hạng mục: Đường vào NM, dự án TĐ Vĩnh Sơn 3, số ngày 1382/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 30/12/2013.

1.3.3. Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH:

1. Quyết định phê duyệt kết quả SXKD năm 2012 và KH SXKD năm 2013 của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH, số 25/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 25/01/2013.
2. Quyết định phê duyệt hiệu chỉnh kết quả SXKD năm 2012 và KH SXKD năm 2013 của CT TNHH MTV TV & DV VSH, số 302/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 5/4/2013.
3. Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện cho CT TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật VSH, số 714/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 15/07/2013.
4. Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện công tác tư vấn cho Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH, số 921/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 9/9/2013.
5. Quyết định miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn & Dịch vụ VSH đối với ông Nguyễn Thanh Liêm kể từ ngày 01/11/2013 số 1056/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 22/10/2013.
6. Quyết định bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty TNHH MTV TVDV VSH đối với ông Lê Văn Hóa kể từ ngày 01/11/2013, số 1057/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 22/10/2013.
7. Quyết định ban hành Điều lệ Công ty TNHH MTV Tư vấn & Dịch vụ kỹ thuật VSH (Sửa đổi lần 4), số 1094/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 31/10/2013.

1.3.4. Công tác SXKD tại 02 NM Vĩnh Sơn và Sông Hinh:

8. Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán chi phí kiểm định an toàn đập Hồ C, TĐ Vĩnh Sơn, số 101/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 28/01/2013.

9. Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Nhà ở công nhân vận hành TĐ Vĩnh Sơn, số 129/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 05/02/2013.
10. Quyết định phê duyệt KH đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển, số 156/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 22/02/2013.
11. Quyết định phê duyệt đề cương - dự toán công tác điều tra, lập và trình thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, công trình TĐ Vĩnh Sơn, số 160/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 23/02/2013.
12. Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật, dự án : Thay thế máy cắt đầu cực máy phát tổ máy H1, H2 NMTĐ Vĩnh Sơn, gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị máy cắt đầu cực máy phát, các thiết bị liên quan và dịch vụ kỹ thuật kèm theo, số 171/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 26/02/2013.
13. Quyết định phê duyệt báo cáo KT-KT, dự án: Hệ thống giám sát trực tuyến độ rung và độ đảo máy phát H1, H2 NMTĐ Vĩnh Sơn, gói thầu: Cung cấp. lắp đặt thiết bị giám sát trực tuyến độ rung, độ đảo và dịch vụ kỹ thuật kèm theo số 174/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 26/02/2013.
14. Quyết định phê duyệt báo cáo KT-KT, dự án: Thiết bị ổ hướng tuabin máy phát và kim phun dự phòng NMTĐ Vĩnh Sơn, gói thầu: Cung cấp, thiết bị ổ hướng tuabin máy phát và kim phun dự phòng, số 176/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 26/02/2013.
15. Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị máy cắt đầu cực máy phát, các thiết bị liên quan và dịch vụ kỹ thuật kèm theo, dự án: Thay thế khớp nối của 2 máy phát NM Vĩnh Sơn bằng máy cắt đầu cực và thay đổi hệ thống mạch nhị thứ kèm theo, số 196/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 08/03/2013.
16. Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị giám sát trực tuyến độ rung, độ đảo và dịch vụ kỹ thuật kèm theo, dự án: Hệ thống giám sát trực tuyến độ rung, độ đảo máy phát H1, H2 NMTĐ Vĩnh Sơn, số 198/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 08/03/2013.
17. Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu cung cấp, thiết bị ổ hướng tua bin máy phát và kim phun dự phòng, các phụ kiện kèm theo, dự án: Thiết bị ổ hướng tuabin máy phát và kim phun dự phòng NMTĐ Vĩnh Sơn, số 200/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 08/03/2013.
18. Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị ĐZ 22kV và trạm biến áp 22/0,4kV -50KVA, cung cấp điện nhà van đầu NMTĐ Vĩnh Sơn, công trình: Trạm biến áp trung thế 22/0,4kV-50KVA cấp điện nhà van đầu – NMTĐ Vĩnh Sơn, số 255/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 25/03/2013.

19. Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT công trình: Thay mới hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Vĩnh Sơn, số 340/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 16/04/2013.
20. Quyết định phê duyệt báo cáo KT-KT công trình: XD hệ thống Hội nghị truyền hình CTCPTĐ Vĩnh Sơn - Sông Hình, số 344/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 16/04/2013.
21. Quyết định Phê duyệt hồ sơ chỉ định Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị thay mới hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Vĩnh Sơn. Công trình: Thay mới hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Vĩnh Sơn, số 364/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 18/04/2013.
22. Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu. Gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị, thay mới hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Vĩnh Sơn, Công trình: Thay mới hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Vĩnh Sơn, số 450/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 13/05/2013.
23. Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển (bổ sung), số 482/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 23/05/2013.
24. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị và XD hệ thống hội nghị truyền hình dự án: XD hệ thống hội nghị truyền hình CT CP TĐ Vĩnh Sơn - Sông Hình, số 490/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 24/05/2013.
25. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu, lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp thiết bị ổ hướng tuabin máy phát và các phụ kiện kèm theo dự án : Thiết bị ổ hướng tuabin máy phát và kim phun dự phòng NM TĐ Vĩnh Sơn, số 489/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 24/05/2013.
26. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu, lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị máy cắt đầu cực máy phát, các thiết bị liên quan và các dịch vụ kèm theo dự án: Thay thế khớp nối của 2 máy phát NMTĐ Vĩnh Sơn bằng máy cắt đầu cực máy phát và thay đổi hệ thống mạch nhị thứ kèm theo số 488/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 24/05/2013.
27. Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị đường dây 22kV và TBA 22/0,4kV-50KVA cung cấp điện nhà van đầu NM Vĩnh Sơn, số 544/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 11/6/2013.
28. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị giám sát trực tuyến độ rung đảo và các DV kỹ thuật kèm theo NM TĐ Vĩnh Sơn, số 568/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 14/06/2013.
29. Quyết định phê duyệt vốn góp để khảo sát, thiết kế và XD bản đồ vùng ngập chung cho hạ du Sông Ba, số 1055/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 22/10/2013.

30. Quyết định phê duyệt báo cáo KT-KT dự án: Hoàn thiện hệ thống SCADA của NM Vĩnh Sơn và Sông Hinh kết nối với A0 và A3, 1352/2013/QĐ-VSH-HĐQT ngày 23/12/2013.

31. Quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu: lắp đặt thiết bị hệ thống SCADA truyền dữ liệu với A0, A3 NMTĐ Vĩnh Sơn và Sông Hinh dự án: Hoàn thiện hệ thống SCADA của NMTĐ Vĩnh Sơn và Sông Hinh kết nối với A0 và A3, số 1360/2013/QĐ-VSH-HĐQT, ngày 25/12/2013.

1.4. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Nguyễn Văn Thanh
- Ông Võ Thành Trung
- Ông Nguyễn Trọng Hiền
- Ông Phan Hồng Quân
- Ông Nguyễn Hồng Sơn

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 23/05/2013)
- Ông Nguyễn Đức Anh – Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 23/05/2013)
- Ông Trương Minh Hùng - Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 23/05/2013)
- Ông Nguyễn Trung Hậu – Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 23/05/2013)
- Bà Vũ Phương Thảo - Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 23/05/2013)

Ban kiểm soát gồm 03 người đều là thành viên độc lập không điều hành.

2.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Thị Thu Hà	Tr. ban	0			
2. Nguyễn Trung Hậu	T. viên	0			
3. Nguyễn Đức Anh	T. viên	0			

2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát tham gia họp định kỳ 04 lần và tiến hành kiểm soát trực tiếp tại Công ty 03 lần, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định theo pháp luật và quy định của Công ty. Ý kiến kết luận của Ban Kiểm soát như sau:

- Sổ sách, chứng từ tại công ty được quản lý, lưu trữ đầy đủ và khoa học.

- Công ty thực hiện theo dõi hạch toán riêng cho hai hệ thống kế toán: kế toán sản xuất kinh doanh và kế toán xây dựng cơ bản và tiến hành hợp nhất báo cáo của hai hệ thống trên.

- Công ty theo dõi, hạch toán riêng các khoản nợ vay, các khoản chi cho hoạt động đầu tư của các dự án để đảm bảo tính độc lập của các dự án.

- Đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị đúng quy định.

- Hạch toán các khoản lãi vay, phân bổ các khoản trả trước dài hạn như công cụ, dụng cụ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.

- Đã đánh giá lại số dư ngoại tệ tại các khoản công nợ phải thu - phải trả, tiền mặt tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Đã hạch toán theo chế độ dự thu dự chi, cụ thể: doanh thu từ việc sản xuất kinh doanh điện đã ghi nhận theo đúng thời điểm (vào ngày cuối cùng của các tháng), các chi phí phải trả như: lãi vay được trích trước và hạch toán vào chi phí các tháng.

- Đã thực hiện trích khấu hao theo đúng phương pháp đường thẳng, đảm bảo tính nhất quán cho về cách hạch toán chi phí trong kỳ.

- Đã thực hiện mua bảo hiểm tài sản.

Các nhận xét đặt biệt khác: Không.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐV: triệu đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số	Trong đó		
			Lương Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác
Hội đồng quản trị (*)					
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	619,29	594,00		25,29
3. Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên				
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên				
5. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên				
6. Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên				
Ban Giám đốc					
1. Võ Thành Trung	TGD	572,19	540,00		32,19
2. Hoàng Anh Tuấn	PhóTGD	514,34	467,26	22,06	25,02
3. Dương Tấn Tường	PhóTGD	522,88	513,41	21,01	18,46

Ban Kiểm soát (*)					
1. Nguyễn Thị Thu Hà	Tr. ban				
2. Nguyễn Trung Hậu	T. viên				
3. Nguyễn Đức Anh	T. viên				
4. Nguyễn Xuân Việt Anh	T. viên				
5. Trương Minh Hùng	T. viên				
6. Vũ Phương Thảo	T. viên				

(*) Năm 2013 do chưa ký được hợp đồng mua bán điện nên chỉ tạm chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT, còn thù lao của các thành viên HĐQT không chuyên trách và Ban kiểm soát sẽ được thực hiện khi thỏa thuận được giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Hội đồng quản trị: Không có
 Ban Kiểm soát: Không có
 Ban Giám đốc: Không có
 Kế toán trưởng: Không có
 Thư ký công ty: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Số: 919/VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 từ trang 5 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán

doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn ‘Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ’, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực

kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE

VIỆT NAM

Ngày tháng 3 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng

Kiểm toán viên

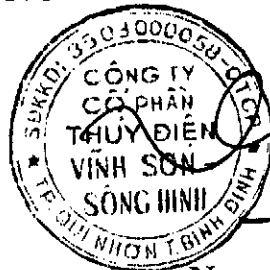
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 1941-2013-001-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (đính kèm)

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH



Nguyễn Văn Thanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.256.830.021.465	1.467.516.629.020
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	573.932.274.705	640.342.507.484
1. Tiền	111		31.292.274.705	13.725.507.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		542.640.000.000	626.617.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	181.118.326.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	-	181.118.326.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		628.100.688.027	598.779.150.626
1. Phải thu khách hàng	131		157.474.230.447	143.309.993.065
2. Trả trước cho người bán	132	7	435.585.660.989	431.970.413.857
3. Các khoản phải thu khác	135	8	35.040.796.591	23.498.743.704
IV. Hàng tồn kho	140	9	36.165.656.578	30.927.437.465
1. Hàng tồn kho	141		44.131.346.088	38.893.126.975
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.631.402.155	16.349.207.445
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	41.320.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.174.531.373	15.956.389.711
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		456.870.782	351.497.734
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		2.408.122.210.715	1.914.895.846.476
I. Tài sản cố định	220		2.392.391.519.091	1.898.614.047.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	920.535.541.476	985.490.166.686
- Nguyên giá	222		2.968.224.024.493	2.959.240.478.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.047.688.483.017)	(1.973.750.311.504)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.471.855.977.615	913.123.881.279
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.907.597.718	13.520.639.142
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	12.907.597.718	13.520.639.142
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.823.093.906	2.761.159.369
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		208.692.227	146.757.690
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.664.952.232.180	3.382.412.475.496

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.054.459.782.092	931.961.694.964
I. Nợ ngắn hạn	310		900.956.991.700	720.085.160.107
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	664.833.201.060	591.015.250.928
2. Phải trả người bán	312		38.062.851.850	11.058.429.001
3. Người mua trả tiền trước	313		1.055.829.000	1.155.829.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	63.552.605.285	67.928.339.121
5. Phải trả người lao động	315		6.165.673.747	5.395.728.189
6. Chi phí phải trả	316		3.777.970.899	3.516.009.993
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	119.278.078.476	38.304.930.339
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.230.781.383	1.710.643.536
II. Nợ dài hạn	330		153.502.790.392	211.876.534.857
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	153.502.790.392	211.876.534.857
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.610.492.450.088	2.450.450.780.532
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.609.648.860.003	2.449.203.529.076
1. Vốn điều lệ	411	17	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	6.332.468.038	-
3. Cổ phiếu quỹ	414	17	-	(47.117.531.962)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.575.787.126)	(7.338.762.414)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	501.099.719.091	392.867.363.452
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		843.590.085	1.247.251.456
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		843.590.085	1.247.251.456
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.664.952.232.180	3.382.412.475.496



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuật		2013	2012
	số	minh		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	10	19	283.679.694.907	332.190.919.819
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	131.397.958.047	154.577.429.886
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		152.281.736.860	177.613.489.933
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	93.660.509.156	97.758.266.312
5. Chi phí tài chính	22	22	5.802.431.136	(5.378.875.264)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.682.556.544	4.223.388.736
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.354.301.862	17.091.969.237
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		224.785.513.018	263.658.662.272
8. Thu nhập khác	31		111.818.182	220.388.744
9. Chi phí khác	32		98.283.095	87.565.072
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.535.087	132.823.672
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		1.326.078.576	1.741.613.876
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		226.125.126.681	265.533.099.820
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	28.729.506.431	31.535.026.822
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		197.395.620.250	233.998.072.998
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	967	1.157



Võ Văn Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.125.126.681	265.533.099.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(14.110.857.913)	(19.125.072.232)
- Khấu hao tài sản cố định	02	75.242.475.300	85.753.683.220
- Các khoản dự phòng	03	-	(9.602.264.000)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.888.778.517	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(94.924.668.274)	(99.499.880.188)
- Chi phí lãi vay	06	3.682.556.544	4.223.388.736
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	212.014.268.768	246.408.027.588
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(40.431.901.790)	53.587.955.481
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.238.219.113)	(5.506.915.480)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	86.749.359.144	2.746.207.989
- Thay đổi chi phí trả trước	12	214.450.524	(33.774.849)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.947.740.765)	(4.710.887.631)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(48.556.305.653)	(35.814.190.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	200.803.911.115	256.676.422.189
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(550.150.523.731)	(547.652.649.082)
2. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	181.118.326.000	402.067.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.573.553.099	106.459.806.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.458.644.632)	(39.125.842.805)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	53.450.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.213.015.247.314	1.001.172.528.499
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.200.696.844.876)	(977.731.541.810)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(75.523.901.700)	(83.446.449.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.755.499.262)	(60.005.462.911)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(66.410.232.779)	157.545.116.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	640.342.507.484	482.797.391.011
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	573.932.274.705	640.342.507.484

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
 QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

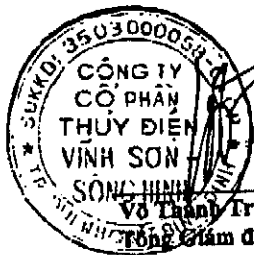
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ


Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm 3.593.537.132 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu trong năm chưa được nghiệm thu và không bao gồm 26.568.742.949 VND là số tiền mua sắm xây dựng tài sản cố định trong năm chưa được thanh toán.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 45.005.951.200 VND là cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa trả cho các cổ đông và bao gồm 38.033.354.500 VND là cổ tức đã công bố trong năm trước và được chi trong năm nay.

Vì vậy, các khoản tiền trong ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.



Ngày 31 tháng 3 năm 2014


Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng


Lê Văn Chương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 158 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty con là Tư vấn và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2013
	(Số năm sử dụng)
Tài sản	20 - 50
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

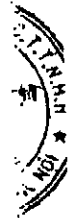
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong năm của Công ty bao gồm các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2 và 3. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty sẽ thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và đi vào hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận kiểm tra.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	706.216.207	1.000.272.060
Tiền gửi ngân hàng	30.586.058.498	12.725.235.424
Các khoản tương đương tiền (i)	542.640.000.000	626.617.000.000
	<u>573.932.274.705</u>	<u>640.342.507.484</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 13, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 473,64 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 533,05 tỷ VND). Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 6% đến 7%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	-	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:		150.433.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	-	50.433.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	-	100.000.000.000
	-	<u>181.118.326.000</u>

- (i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Toàn bộ số cổ phiếu mà Công ty sở hữu đã được thanh lý trong năm 2013.

- (ii) Khoản cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay theo các hợp đồng với số tiền cho vay là 100 tỷ VND đã được tất toán vào tháng 01 năm 2013.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho các nhà thầu để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, chi tiết như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hydrochina Huadong - CR18G	249.024.687.253	284.057.318.817
Andrizt Hydro GmbH	133.841.928.951	66.540.760.150
Các nhà thầu khác	52.719.044.785	81.372.334.890
	<u>435.585.660.989</u>	<u>431.970.413.857</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	3.734.247.467	19.539.033.769
Phải thu Công ty Mua bán điện (i)	28.589.573.003	-
Phải thu khác	2.716.976.121	3.959.709.935
	<u>35.040.796.591</u>	<u>23.498.743.704</u>

- (i) Thể hiện khoản phải thu tương ứng với phần doanh thu tăng thêm khi Công ty tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2012. Hồ sơ thanh toán điện năng cho giai đoạn này đang được Công ty Mua bán điện xét duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.842.470.615	37.095.930.654
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.288.875.473	1.797.196.321
	44.131.346.088	38.893.126.975
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	36.165.656.578	30.927.437.465

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vinh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vinh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	2.055.673.293.893	866.036.731.890	29.031.097.162	8.499.355.245	2.959.240.478.190
Tăng trong năm	-	9.190.899.947	291.734.287	1.569.083.566	11.051.717.800
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(487.450.000)	-	(487.450.000)
Phân loại lại	(63.521.000)	(334.903.295)	(97.355.776)	(1.084.941.426)	(1.580.721.497)
Tại ngày 31/12/2013	2.055.609.772.893	874.892.728.542	28.738.025.673	8.983.497.385	2.968.224.024.493
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	(1.115.785.165.037)	(833.563.235.137)	(21.940.775.174)	(2.461.136.156)	(1.973.750.311.504)
Khấu hao trong năm	(68.401.933.876)	(5.252.535.155)	(1.102.862.900)	(485.143.369)	(75.242.475.300)
Tăng khác	-	-	(380.241.987)	(86.641.204)	(466.883.191)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	425.530.542	-	425.530.542
Phân loại lại	63.521.000	280.617.540	96.939.032	904.578.864	1.345.656.436
Tại ngày 31/12/2013	(1.184.123.577.913)	(838.535.152.752)	(22.901.410.487)	(2.128.341.865)	(2.047.688.483.017)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	871.486.194.980	36.357.575.790	5.836.615.186	6.855.155.520	920.535.541.476
Tại ngày 31/12/2012	939.888.128.856	32.473.496.753	7.090.321.988	6.038.219.089	985.490.166.686

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 329.227.740.444 VND (31/12/2012: 351.011.781.600 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng giá trị là 861.096.697.848 VND (31/12/2012: 860.757.681.755 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	1.376.423.745.475	824.403.814.547
Dự án Thủy điện Vinh Sơn 2&3 (ii)	91.836.625.883	86.155.898.037
Khác	3.595.606.257	2.564.168.695
	1.471.855.977.615	913.123.881.279

(i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San; thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.

(ii) Dự án thủy điện Vinh Sơn 2 và 3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định. Thông tin chi tiết về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	khách sạn, lữ hành...

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	28.016.804.619	31.819.793.920
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.056.229.965	4.626.231.688
Giá trị tài sản thuần	25.960.574.654	27.193.562.232
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	12.907.597.718	13.520.639.142
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	2.067.736.800	2.067.736.800
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	3.792.837.854	5.025.825.432
	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	15.920.121.115	17.459.912.731
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	3.138.958.926	3.792.150.227
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.326.078.576	1.741.613.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội	14.057.913.879	5.612.783.429
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	258.742.290.026	230.732.272.872
Ngân hàng TMCP Đại Dương	33.668.933.760	66.413.226.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	149.474.566.004	69.689.758.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	8.665.192.300
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	85.538.633.340	109.382.822.227
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	60.983.173.465	19.551.244.650
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bình Định	8.204.740.500	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	14.150.884.398	-
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	25.012.065.688	24.764.751.100
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	21.203.200.000
	<u>664.833.201.060</u>	<u>591.015.250.928</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đảo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Trong năm, các khoản vay chịu lãi suất khoảng 3,6%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 13,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản vay ngắn hạn được tín chấp với số tiền vay là 163.610.030.615 VND. Các khoản vay còn lại được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi trị giá 473,64 tỷ VND và toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình trên đất của Công ty tại số 21 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.982.898.012 VND.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	322.901.758	416.534.292
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.391.975.775	30.201.176.906
Thuế tài nguyên	2.875.222.011	632.400.728
Phi bảo vệ môi trường	48.394.511.820	35.015.880.480
Các loại thuế khác	1.567.993.921	1.662.346.715
	<u>63.552.605.285</u>	<u>67.928.339.121</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	45.005.951.200	38.033.354.500
Phải trả EVN tiền hỗ trợ vốn lưu động	74.000.000.000	-
Phải trả khác	272.127.276	271.575.839
	<u>119.278.078.476</u>	<u>38.304.930.339</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	153.502.790.392	176.749.734.857
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	15.626.800.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	19.500.000.000
	<u>153.502.790.392</u>	<u>211.876.534.857</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và bằng 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 327.244.842.432 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HDTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	25.012.065.688	45.967.951.100
Trong năm thứ hai	17.793.411.039	39.083.951.101
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	21.149.512.780	48.487.329.030
Sau năm năm	114.559.866.573	124.305.254.726
	<u>178.514.856.080</u>	<u>257.844.485.957</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	25.012.065.688	45.967.951.100
Số phải trả sau 12 tháng	<u>153.502.790.392</u>	<u>211.876.534.857</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Thặng dư vốn			Lợi nhuận
	Vốn điều lệ	cổ phần	Cổ phiếu quỹ	chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.062.412.460.000	-	(47.117.531.962)	287.174.823.440
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	233.998.072.998
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	-	(121.344.747.600)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.297.055.500)
Chi khác	-	-	-	(663.729.886)
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.062.412.460.000	-	(47.117.531.962)	392.867.363.452
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	197.395.620.250
Phát sinh trong năm (i)	-	6.332.468.038	47.117.531.962	-
Công bố chia cổ tức trong năm (ii)	-	-	-	(82.496.498.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	(5.813.922.500)
Khác	-	-	-	(852.843.711)
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.062.412.460.000	6.332.468.038	-	501.099.719.091

- (i) Trong thời gian từ ngày 02 tháng 7 năm 2013 đến ngày 19 tháng 7 năm 2013, Công ty đã bán 4 triệu cổ phiếu quỹ sở hữu, giá bán bình quân 13.363 đồng/cổ phiếu, thu về khoản tiền trị giá 53.450 triệu đồng. Trong đó, bao gồm 6.332.468.038 VND là số chênh lệch giữa giá tái phát hành cao hơn giá thực tế mua lại cổ phiếu.
- (ii) (Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 số 474/2013/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2013, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 được phê duyệt là 10%. Trong năm 2012, Công ty đã tạm chi trả cổ tức theo tỷ lệ 6%. Số cổ tức còn lại (4%) được công bố chi trả trong năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1035/2013/NQ-VSH-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2013.
- (iii) Là số tiền tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Số tạm trích lập các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2013 và các năm trước sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

Cơ cấu góp vốn

	31/12/2013		31/12/2012	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	-	-	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Phát điện 3	30,55	630.169.054.175	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	4.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	202.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất điện. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đều liên quan đến hoạt động sản xuất điện.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán điện (i) (ii)	283.237.654.908	323.546.138.786
Doanh thu dịch vụ khác	442.039.999	8.644.781.033
	<u>283.679.694.907</u>	<u>332.190.919.819</u>

(i) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho các năm từ năm 2010 đến năm 2013. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu năm 2010 và 11 tháng đầu năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu tháng 12 năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 76% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu năm 2012 và doanh thu năm 2013 đang được đơn vị ghi nhận với đơn giá bình quân (chưa bao gồm phí dịch vụ môi trường rừng) tương ứng là 382 VND/Kwh và 351 VND/Kwh.

(ii) Đơn giá doanh thu bán điện của năm 2011 và 2012 được Công ty tạm tính trên cơ sở giá bán điện của năm 2009, và không bao gồm phí dịch vụ môi trường rừng. Trong năm, hồ sơ thanh toán phí dịch vụ môi trường rừng của Công ty cho các năm này đã được Công ty Mua Bán điện chấp thuận thanh toán với số tiền 35.015 triệu VND. Khoản tiền này đã được ghi nhận doanh thu bổ sung trong năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn sản xuất điện	131.100.852.747	149.310.672.361
Giá vốn hoạt động khác	297.105.300	5.266.757.525
	<u>131.397.958.047</u>	<u>154.577.429.886</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.362.117.898	2.919.450.640
Chi phí nhân công	22.598.782.776	26.326.392.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.818.524.088	85.753.683.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.406.134.796	4.750.430.874
Chi phí khác	43.058.379.503	52.468.467.911
	<u>147.243.939.061</u>	<u>172.218.425.172</u>

22. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	47.915.372.240	97.758.266.312
Cổ tức được chia	969.933.416	-
Thu lãi từ bán cổ phiếu	44.775.203.500	-
	<u>93.660.509.156</u>	<u>97.758.266.312</u>
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	3.682.556.544	4.223.388.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.119.874.592	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(9.602.264.000)
	<u>5.802.431.136</u>	<u>(5.378.875.264)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HINHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	226.125.126.681	265.533.099.820
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và các khoản điều chỉnh do hợp nhất	1.705.736.973	1.741.613.876
Thu nhập chịu thuế	224.419.389.708	263.791.485.944
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 5%	136.782.500.299	159.738.674.996
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20% (i)	376.818.743	-
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 25%	87.260.070.666	104.052.810.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.729.506.431	34.000.136.487
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	-	2.465.109.665
	28.729.506.431	31.535.026.822

- (i) Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH đã thỏa mãn điều kiện để được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, theo quy định tại Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	197.395.620.250	233.998.072.998
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	204.092.986	202.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	967	1.157

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phần khối lượng công việc đã thực hiện là 220 tỷ VND.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và Hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công hầm dẫn nước (từ Km0+270 đến Km3+000) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 1.324.037.315.815 VND và 25.000.000 USD. Công ty tiếp tục ký với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G Phụ lục hợp đồng số 930/2011/BSHD-VSH-ký với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G Phụ lục hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH ngày 12 tháng 10 năm 2011 về việc thi công đợt 2 HHCR-18G của hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH ngày 12 tháng 10 năm 2011 về việc thi công đợt 2 gia cố trong và ngoài hầm dẫn nước (từ Km0+000 đến Km0+270) và Phụ lục hợp đồng số 827/2012/PLHD-VSH-TH ngày 17 tháng 8 năm 2012 về việc xây dựng trạm phân phối điện với tổng giá trị lần lượt là 6.723.438.229 VND và 27.035.830.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phần khối lượng công việc đã thực hiện của các hợp đồng này khoảng 406 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng số 817/2012/HĐ-VSH-AH với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo) về việc cung cấp thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 35.489.858 USD. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cho nhà thầu với số tiền khoảng 133,84 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) trị giá 27.100.933,35 USD và số tiền bằng USD tương đương 3.000.000 EUR. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 85% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản vay chưa được giải ngân.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	818.335.991.452	802.891.785.785
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	640.342.507.484
Nợ thuần	244.403.716.747	162.549.278.301
Vốn chủ sở hữu	2.610.492.450.088	2.450.450.780.532
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,09	0,07

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	640.342.507.484
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.515.027.038	166.808.736.769
Đầu tư ngắn hạn	-	181.118.326.000
Tổng cộng	766.447.301.743	988.269.570.253
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	818.335.991.452	802.891.785.785
Phải trả người bán và phải trả khác	157.340.930.326	49.363.359.340
Chi phí phải trả	3.777.970.899	3.516.009.993
Tổng cộng	979.454.892.677	855.771.155.118

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	207.449.592.882	296.581.927.897	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 10,37 tỷ VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì chi phí lãi vay trong năm của Công ty (bao gồm chi phí lãi vay ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang) sẽ tăng/giảm 16,68 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty Mua bán điện (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 186.051.307.869 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	-	573.932.274.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.515.027.038	-	192.515.027.038
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Tổng cộng	766.447.301.743	-	766.447.301.743
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	157.340.930.326	-	157.340.930.326
Chi phí phải trả	3.777.970.899	-	3.777.970.899
Các khoản vay	664.833.201.060	153.502.790.392	818.335.991.452
Tổng cộng	825.952.102.285	153.502.790.392	979.454.892.677
Chênh lệch thanh khoản thuần	(59.504.800.542)	(153.502.790.392)	(213.007.590.934)

18/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VINH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.342.507.484	-	640.342.507.484
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.808.736.769	-	166.808.736.769
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	-	181.118.326.000
Tổng cộng	988.269.570.253	-	988.269.570.253
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	49.363.359.340	-	49.363.359.340
Chi phí phải trả	3.516.009.993	-	3.516.009.993
Các khoản vay	591.015.250.928	211.876.534.857	802.891.785.785
Tổng cộng	643.894.620.261	211.876.534.857	855.771.155.118
Chênh lệch thanh khoản thuận	344.374.949.992	(211.876.534.857)	132.498.415.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính; tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	2013	2012
		VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cổ đông lớn		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn		
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết		
Doanh thu			
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)		283.237.654.908	323.546.138.786
Lãi cho vay EVN		388.888.889	45.998.375.345
Cổ tức			
Số cổ tức công bố chia trong năm:			
Cho EVN		25.206.779.200	37.810.168.800
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)		19.799.172.000	29.698.758.000
Số cổ tức trả trong năm (bằng tiền hoặc bù trừ công nợ)			
Cho EVN		37.810.168.800	126.033.896.000
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)		-	29.698.758.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định		1.939.120.000	1.163.455.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH
Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	186.051.307.869	143.299.041.484
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.206.779.200	37.810.168.800
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	-	100.000.000.000

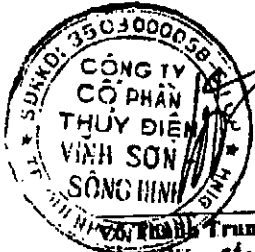
Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.780.442.443	1.992.021.563

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Trần Văn Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập